

# VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỐI NGOẠI ĐA PHƯƠNG VÀO THỰC TIỄN VIỆT NAM

ĐẶNG CẨM TÚ\* - NGUYỄN VIỆT LÂM\*\*

*Tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại đa phương là một bộ phận quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, bao gồm hệ thống quan điểm về các vấn đề quốc tế, về chiến lược, sách lược cách mạng Việt Nam trong quan hệ với thế giới, luôn thống nhất với đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Trên cơ sở vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại, những quan sát và phân tích của Hồ Chí Minh về các vấn đề quốc tế và thời đại cũng như kinh nghiệm ứng xử của Người trên trường quốc tế đã tạo nên trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh, trở thành kim chỉ nam cho việc hoạch định chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta nói chung và công tác đối ngoại đa phương nói riêng.*

## Tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại đa phương

Hồ Chí Minh đã sáng lập ra nền ngoại giao Việt Nam hiện đại, đồng thời trực tiếp đặt nền móng cho công tác đối ngoại đa phương của Việt Nam. Qua mỗi giai đoạn của cuộc đấu tranh giành, giữ độc lập dân tộc và xây dựng đất nước, tư tưởng của Người về đối ngoại đa phương đều thể hiện rõ nét những nội hàm riêng, tạo cơ sở hình thành tư duy đối ngoại đa phương và hội nhập quốc tế toàn diện của Đảng ta ngày nay.

*Về mở rộng quan hệ, hợp tác đa phương:* Ngay từ những ngày đầu khi bốn ba qua nhiều quốc gia trên thế giới để tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản” theo tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin<sup>(1)</sup>; Chính

vì vậy, Người đã tham gia nhiều hoạt động trong phong trào cách mạng của nhân dân các dân tộc bị áp bức ở các nước khu vực châu Á, châu Phi, châu Âu, châu Mỹ; tích cực làm công tác “ngoại giao nhân dân” để thế giới hiểu rõ hoàn cảnh của dân tộc Việt Nam, từ đó đồng tình, ủng hộ sự nghiệp cách mạng và đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta.

*Về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại:* Trong những ngày đầu giành độc lập, khi nước ta ở trong tình thế muôn vàn khó khăn, phải đối mặt với nhiều kẻ thù, tư tưởng đối ngoại của Hồ Chí Minh đã thể hiện đặc

\* TS, Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu chiến lược, Học viện Ngoại giao

\*\* ThS, Bộ Ngoại giao

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t. 9, tr. 314

trung đa phương rõ nét. Đối ngoại đa phương được Người xem là phương thức hữu hiệu để thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ cách mạng. *Thông cáo về chính sách ngoại giao* của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 3-10-1945 là văn bản chính thức đầu tiên thể hiện quan điểm đối ngoại đa phương của Việt Nam. Trong Thông cáo, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã công bố trước toàn thể nhân dân Việt Nam và các nước trên thế giới mục tiêu chính sách đối ngoại của Việt Nam là “đưa nước nhà đến độc lập hoàn toàn và vĩnh viễn, và góp phần cùng các nước đồng minh chống phát-xít, trên cơ sở các nguyên tắc dân chủ được các quốc gia thừa nhận, xây đắp lại nền hòa bình thế giới... Đối với các nước trong phe đồng minh chống phát-xít thì Việt Nam hết sức thân thiện và thành thực hợp tác trên lập trường bình đẳng tương ái... Với các nhược tiểu dân tộc trên toàn cầu, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng thân thiện, hợp tác chặt chẽ trên nguyên tắc bình đẳng để ủng hộ lẫn nhau trong sự xây đắp và giữ vững nền độc lập”<sup>(2)</sup>.

Để duy trì nền hòa bình dù mong manh và để có thêm thời gian xây dựng lực lượng về mọi mặt, Hồ Chí Minh đã đưa ra sách lược mềm dẻo để phân hóa đối phương, tranh thủ sự công nhận thực tế của các cường quốc trong liên minh chống phát-xít (nay là các ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc). Người khẳng định: Việt Nam mong muốn “Làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai”<sup>(3)</sup>, “Trên nguyên tắc bình đẳng và hai bên cùng có lợi, chúng tôi sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao và thương mại với tất cả các nước”<sup>(4)</sup>.

*Về hợp tác quốc tế*: Năm 1946, trong thư gửi Liên hợp quốc, Hồ Chí Minh đã viết: “Nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực: a) Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình. b)

Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế. c) Nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc. d) Nước Việt Nam sẵn sàng ký kết với các lực lượng hải quân, lục quân trong khuôn khổ của Liên hợp quốc những hiệp định an ninh đặc biệt và những hiệp ước liên quan”<sup>(5)</sup>.

Như vậy, ngay từ giữa thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã nhận thấy vận mệnh của đất nước Việt Nam gắn liền với vận mệnh của khu vực và thế giới. Do đó, nước ta cần tham gia các tổ chức quốc tế, tuân thủ và vận dụng luật lệ của các tổ chức quốc tế để duy trì môi trường hòa bình, ổn định, tạo thế và lực cho đất nước. Mặc dù trong các văn bản chính thức của Việt Nam thời kỳ đó chưa từng đề cập đến khái niệm “ngoại giao đa phương” hay “đối ngoại đa phương”, song rõ ràng tư tưởng Hồ Chí Minh về việc đưa nước ta trở thành thành viên của Liên hợp quốc - tổ chức quốc tế rộng lớn nhất, có thể được coi là cơ sở vững chắc đầu tiên cho nhận thức về đối ngoại đa phương của Đảng và Nhà nước ta sau này.

*Về ngoại giao nhân dân*: Điểm đặc biệt của ngoại giao Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh là sự kết hợp hài hòa giữa ngoại giao nhà nước với ngoại giao nhân dân, giữa ngoại giao song phương với ngoại giao đa phương. Tại Hội nghị ngoại giao ngày 14-1-1964, Người nhấn mạnh: ngoại giao “không phải chỉ là các đại sứ quán, tổng lãnh sự quán là những cơ quan chuyên môn phụ trách, mà còn các tổ chức khác như ngoại thương, văn hóa, thanh niên,

(2) Nguyễn Phúc Luân: “Hồ Chí Minh và tư tưởng chung sống hòa bình trong chính sách đối ngoại đầu tiên của Nhà nước Việt Nam độc lập”, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế*, tháng 9-1993, tr. 40 - 43

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 5, tr. 220

(4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 8, tr. 160

(5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 470

(6) Nguyễn Dy Niên: *Tư tưởng Ngoại giao Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 169

phụ nữ, công đoàn cũng đều làm ngoại giao cả<sup>(6)</sup>. Đây chính là tư tưởng cốt lõi của đối ngoại đa phương với cách tiếp cận đa ngành, đa lĩnh vực đã được Hồ Chí Minh chỉ đạo và vận dụng từ cách đây hơn nửa thế kỷ.

Về tổ chức, Đảng ta đã sớm thành lập Ban Quốc tế nhân dân và các ủy ban đoàn kết, hội hữu nghị để thực hiện công tác ngoại giao nhân dân. Hội hữu nghị Việt - Hoa, Hội hữu nghị Việt - Mỹ đã được tổ chức và hoạt động từ năm 1945. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (năm 1951), Luận cương cách mạng Việt Nam đã nêu nhiệm vụ "*Củng cố ngoại giao với Liên Xô, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân khác, tăng cường việc ngoại giao giữa đoàn thể nhân dân nước ta và các đoàn thể nhân dân thế giới*"<sup>(7)</sup>. Trong những năm 1960 - 1970, Đảng và Nhà nước ta đã thường xuyên quan tâm, thúc đẩy ngoại giao nhân dân tại các cơ chế đa phương, lấy việc ủng hộ, phấn đấu theo những lý tưởng tiến bộ, vì lợi ích của các nước độc lập dân tộc và đang phát triển làm phương châm chỉ đạo. Đây là những bước phát triển quan trọng và sáng tạo trong tư duy nhận thức của Đảng dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đặt cơ sở cho hoạt động ngoại giao nhân dân trong các giai đoạn tiếp theo, cấu thành tư duy đối ngoại đa phương trong giai đoạn hiện nay.

### **Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác đối ngoại đa phương của Việt Nam**

*Trong đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước*

Trong giai đoạn 1954 - 1975, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Hồ Chí Minh và ánh sáng tư tưởng của Người, Việt Nam đã sớm nhận thức được xu thế thời đại cũng như tầm quan trọng của Liên hợp quốc và Phong trào Không liên kết - hai diễn đàn đa phương lớn nhất lúc bấy giờ. Thông qua hai diễn đàn đó, Việt Nam đã huy động được sức mạnh tổng hợp, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, hỗ

trợ cho cuộc đấu tranh giành độc lập và thống nhất đất nước.

Việt Nam đã tranh thủ được sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa, các nước thành viên trong Phong trào Không liên kết và hình thành trên thực tế "mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam chống Mỹ xâm lược"<sup>(8)</sup>. Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương và Hiệp định Pa-ri năm 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam là những dấu mốc quan trọng đầu tiên của đối ngoại đa phương Việt Nam, thể hiện sự thắng lợi tổng hợp trên các mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao, mở ra giai đoạn mới cho cách mạng Việt Nam, tiến tới hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Giai đoạn 1975 - 1986 đánh dấu nỗ lực mở rộng quan hệ quốc tế của Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh với việc Việt Nam trở thành thành viên chính thức của các tổ chức, như Phong trào Không liên kết (năm 1976), Liên hợp quốc (năm 1977), Hội đồng Tương trợ kinh tế (năm 1978), đồng thời tham gia nhiều điều ước quốc tế quan trọng.

Đại hội IV (năm 1976) của Đảng nêu rõ, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta là "ra sức tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ hợp tác giữa nước ta với tất cả các nước xã hội chủ nghĩa anh em, làm hết sức mình để góp phần cùng các nước xã hội chủ nghĩa anh em và phong trào cộng sản quốc tế

(7) *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 12, tr. 117

(8) *Ngoại giao Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 266; Đàm phán Hiệp định Pa-ri: Nghệ thuật ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh, <http://cpv.org.vn/tieu-diem/dam-phan-hiep-dinh-paris-nghe-thuat-ngoai-giao-thoi-dai-ho-chi-minh-167237.html>

(9) Xem: Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 20-12-1976, <http://dangcongsan.vn/tu-lieu-van-kien/c-mac-angghen-lenin-ho-chi-minh/v-i-lenin/tac-pham/doc-392420153055056.html>

khôi phục và củng cố đoàn kết, tăng cường ủng hộ và giúp đỡ lẫn nhau trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình, làm cho lý tưởng cao đẹp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin ngày càng thắng lợi rực rỡ<sup>(9)</sup>. Đến giữa năm 1978, trước tình hình mới của khu vực, quốc tế cũng như trong nước, Đảng và Nhà nước ta đã điều chỉnh nhiệm vụ của công tác đối ngoại, “nhấn mạnh việc cần tích cực mở rộng quan hệ đối ngoại, nhằm phục vụ bảo vệ Tổ quốc, xây dựng chủ nghĩa xã hội”... và “mở rộng quan hệ quốc tế kinh tế đối ngoại”<sup>(10)</sup>.

Đại hội V (năm 1982) của Đảng đề ra nhiệm vụ: “nhân dân ta hoàn toàn *ủng hộ cuộc đấu tranh của các nước Á, Phi, Mỹ La-tinh*, nhằm loại trừ khỏi đời sống thế giới mọi hình thức của chủ nghĩa thực dân, giành và bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng một trật tự kinh tế thế giới mới<sup>(11)</sup>... “phải ra sức tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế to lớn và nhiều mặt cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước... Đặc biệt công tác đối ngoại phải trở thành một mặt trận chủ động, tích cực<sup>(12)</sup>... “Chúng ta chủ trương thiết lập và mở rộng quan hệ bình thường về mặt Nhà nước, về kinh tế, văn hóa và khoa học, kỹ thuật với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị, xã hội trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi”<sup>(13)</sup>.

Có thể thấy, chủ trương đối ngoại của Đảng ta thời kỳ này phản ánh rõ tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản, nhận thức về sự cần thiết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, vai trò của hội nhập quốc tế mà Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh trong những quan điểm của Người liên quan đến đối ngoại đa phương.

*Trong thời kỳ đổi mới toàn diện đất nước*

Về mở rộng hợp tác quốc tế, Đại hội VI (năm 1986) của Đảng đã đề ra chủ trương “Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại... tham gia sự phân công lao động quốc tế;... tranh thủ mở mang quan hệ kinh tế và khoa học - kỹ thuật với các nước thế giới thứ ba, các

nước công nghiệp phát triển, các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi”<sup>(14)</sup>. Chủ trương này đánh dấu bước chuyển mạnh mẽ trong tư duy đối ngoại của Việt Nam, cả trong cách tiếp cận và thực tiễn hoạt động nhằm mở rộng quan hệ quốc tế trên quy mô khu vực và toàn cầu.

Đại hội VII (năm 1991) của Đảng có bước phát triển mới về tư duy đối ngoại đa phương khi nâng tầm nhiệm vụ “thêm bạn bớt thù” và vượt qua quan niệm “bạn, thù” trước đây để khẳng định “Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”<sup>(15)</sup>. Đa phương hóa, đa dạng hóa, hợp tác bình đẳng cùng có lợi với tất cả các nước đã trở thành chủ trương xuyên suốt của đối ngoại Việt Nam từ khi thực hiện công cuộc đổi mới (năm 1986) đến nay và liên tục được phát triển, từ “muốn làm bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới” (Đại hội VII) lên “sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, đẩy mạnh hoạt động tại các diễn đàn đa phương” (Đại hội IX) và “là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế” (Đại hội XI và Đại hội XII). Đây là sự kế thừa và vận dụng có sáng tạo chủ trương “làm bạn với tất cả các nước dân chủ” mà Hồ Chí Minh đã xác định từ gần nửa thế kỷ trước đây.

*Về hội nhập quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại*, Chủ trương hội nhập quốc tế, trước hết là hội nhập về kinh tế phục vụ phát triển đất nước, đã được Đảng ta đưa ra từ Đại hội VII. Chính sách “đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại” không

(10) Vũ Dương Huân: *Ngoại giao Việt Nam hiện đại vì sự nghiệp đổi mới (1975 - 2002)*, Học viện Quan hệ quốc tế, Hà Nội, 2002, tr. 19

(11), (12), (13) *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t. 43, tr. 146 - 147, 140, 150

(14) *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t. 47, tr. 763

(15) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 147

chỉ bó hẹp trong quan hệ với các quốc gia mà còn mở rộng ra với các tổ chức, các phong trào khu vực và thế giới.

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII (tháng 12-1997) đề ra nhiệm vụ: Tiến hành khẩn trương, vững chắc việc đàm phán hiệp định thương mại với Mỹ, gia nhập APEC và WTO. Có kế hoạch cụ thể để chủ động thực hiện các cam kết trong khuôn khổ AFTA<sup>(16)</sup>. Nhấn mạnh và nêu rõ từng nhiệm vụ cụ thể của ngoại giao đa phương và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực kinh tế là đặc trưng mới và nổi bật của Đại hội VIII và Đại hội IX của Đảng.

Nghị quyết số 07-NQ/TW, ngày 27-11-2001, của Bộ Chính trị khóa IX *Về hội nhập kinh tế quốc tế* tập trung đi sâu, đánh giá toàn diện, trên cơ sở đó đề ra những mục tiêu, quan điểm chỉ đạo và những nhiệm vụ cụ thể đối với hội nhập kinh tế quốc tế. Nghị quyết đóng vai trò quan trọng là kim chỉ nam hướng dẫn, thống nhất về mặt nhận thức và hành động cho hội nhập kinh tế quốc tế. Trên tinh thần đó, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa IX (tháng 1-2004) đã chỉ rõ nhiệm vụ trong nửa nhiệm kỳ còn lại của Đại hội IX về vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế.

Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 10-4-2013, của Bộ Chính trị *Về hội nhập quốc tế* nêu rõ: “Việt Nam tham gia đi đôi với chủ động, tích cực tham gia xây dựng và tận dụng hiệu quả các quy tắc, luật lệ quốc tế và tham gia các hoạt động của cộng đồng khu vực và quốc tế; chủ động đề xuất sáng kiến, cơ chế hợp tác trên nguyên tắc cùng có lợi”. Nghị quyết đã đưa đối ngoại đa phương của Việt Nam bước sang giai đoạn mới, ngày càng đi vào chiều sâu, mang tính “đóng góp, khởi xướng và tham gia định hình” thay vì chỉ “gia nhập và tham gia” các cơ chế như giai đoạn trước. Từ đây, vai trò và vị thế của Việt Nam ngày càng được mở rộng, nâng cao trong các cơ chế đa phương khu vực và toàn cầu, góp phần đưa ngoại giao đa phương Việt Nam bước vào giai đoạn mới.

Từ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX đến nay, Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng với khu vực và thế giới thông qua việc từng bước tham gia hầu hết các cơ chế, diễn đàn hợp tác đa phương chủ chốt tầm khu vực và toàn cầu với vị thế và tiếng nói ngày càng được coi trọng, như Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN, năm 1995), Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF, năm 1994), Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM, năm 1996), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC, năm 1998), Diễn đàn hợp tác Đông Á - Mỹ La-tinh (FEALAC, năm 1999). Việt Nam đã đảm nhiệm thành công vị trí Phó Chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc năm 1997, Chủ tịch Ủy ban thường trực ASEAN và ARF nhiệm kỳ 2000 - 2001, thành viên Hội đồng Kinh tế - Xã hội của Liên hợp quốc (ECOSOC) nhiệm kỳ 1997 - 2000, Ủy ban Nhân quyền 2001 - 2003, Hội đồng Chấp hành UNDP/UNFPA nhiệm kỳ 2000 - 2002, Hội đồng Thống đốc IAEA (năm 1991 - 1993, 1997 - 1999, 2003 - 2005), Hội đồng điều hành Liên minh Bưu chính thế giới UPU 1999 - 2004, Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU) nhiệm kỳ 2003 - 2007.

Năm 2000, Việt Nam cùng 188 quốc gia phê chuẩn Tuyên bố Thiên niên kỷ tại Hội nghị thượng đỉnh Thiên niên kỷ. Với sự giúp đỡ của các cơ quan Liên hợp quốc, Việt Nam đạt những thành tựu vượt bậc trong thực hiện các Mục tiêu Thiên niên kỷ, hoàn thành nhiều mục tiêu trước thời hạn đặt ra là năm 2015. Từ năm 2007 đến nay, đối ngoại đa phương Việt Nam đóng góp tích cực vào việc xử lý các vấn đề thuộc quan tâm chung của quốc tế, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo, góp phần bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định và nâng cao vị thế đất nước.

Năm 2007, Việt Nam gia nhập WTO, đảm nhiệm thành công các vị trí Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (nhiệm kỳ 2008 - 2009), Chủ tịch Hội nghị về Giải trừ quân bị (CD-2009), Chủ tịch ASEAN

(16) Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t. 56, tr. 612

năm 2010, Chủ tịch Hội đồng thống đốc Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA), thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc (nhiệm kỳ 2014 - 2016).

Việt Nam đã tổ chức thành công Đại hội đồng Liên minh Nghị viện thế giới lần thứ 132 (năm 2016), tiếp tục được bầu vào các cơ quan lãnh đạo của một số quỹ/chương trình, tổ chức chuyên môn của Liên hợp quốc, như Chương trình phát triển/Quỹ dân số Liên hợp quốc (UNDP/UNFPA), Tổ chức Giáo dục, Khoa học, Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO). Tháng 1-2013, Thứ trưởng Ngoại giao Lê Lương Minh đảm nhiệm cương vị Tổng Thư ký ASEAN với nhiệm kỳ 5 năm.

Từ năm 2014 đến nay, với chủ trương chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, Việt Nam đã tham gia các lĩnh vực mà trước đây được cho là nhạy cảm hoặc chưa có điều kiện tham gia, như Sáng kiến An ninh chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (PSI), cử lực lượng tham gia một số phái bộ gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, thông qua hai điều ước quốc tế quan trọng là Công ước chống tra tấn và Công ước về người khuyết tật.

Có thể thấy, hội nhập quốc tế đã trở thành một định hướng lớn của đối ngoại Việt Nam từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đến nay, từ hội nhập về kinh tế thời kỳ đầu đổi mới đến hội nhập quốc tế hiện nay, bao gồm hội nhập cả về kinh tế và chính trị, an ninh, văn hóa, xã hội cùng các lĩnh vực khác. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam là một bộ phận không tách rời của cách mạng thế giới vẫn còn nguyên giá trị, làm nền tảng lý luận cho tiến trình hội nhập quốc tế mà Đảng thúc đẩy từ khi đổi mới đến nay với nhận thức rằng Việt Nam là một bộ phận không tách rời trong thế giới hiện nay.

*Về đây mạnh ngoại giao nhân dân và ngoại giao đa ngành*, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp ngoại giao nhà nước với đối ngoại nhân dân, đối ngoại đa phương Việt Nam trong nhiều năm qua đã được triển khai toàn diện, trong đó chú trọng kết hợp các

hoạt động ngoại giao của Nhà nước, đối ngoại của Đảng, Quốc hội và đối ngoại nhân dân nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp và tranh thủ sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng quốc tế.

Đại hội VIII của Đảng nhấn mạnh việc “mở rộng quan hệ đối ngoại nhân dân, quan hệ với các tổ chức phi chính phủ, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của nhân dân các nước, góp phần thúc đẩy xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển”<sup>(17)</sup>. Công tác đối ngoại đảng luôn đồng hành và tạo cơ sở chính trị cho ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân. Đối ngoại của Quốc hội ngày càng mở rộng, góp phần hoàn thiện môi trường pháp lý nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và nhiều tổ chức nhân dân khác đã tham gia và đóng góp tích cực cho các diễn đàn nhân dân khu vực, liên khu vực và quốc tế, hỗ trợ tích cực cho ngoại giao nhà nước, đóng góp thiết thực cho việc nâng cao uy tín và vị thế đối ngoại của Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh giao lưu nhân dân đang ngày càng được coi trọng trong chiến lược đối ngoại của các quốc gia trên thế giới.

Tóm lại, qua hơn 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới và phát triển đất nước, những quan điểm cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh liên quan đến đối ngoại đa phương, như giữ vững độc lập dân tộc, huy động sức mạnh tổng hợp, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, hòa hiếu với các dân tộc khác,... vẫn còn nguyên giá trị và tiếp tục là cơ sở lý luận soi đường cho Đảng, Nhà nước và nhân dân ta thực hiện thắng lợi nhiệm vụ giữ vững môi trường hòa bình, thuận lợi cho phát triển đất nước; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; nâng cao vị thế của đất nước; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. □

(17) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 121